

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28-LCT/HĐNN8

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 1989

PHÁP LỆNH

CỦA HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC SỐ 28-LCT/HĐNN8 NGÀY 07/12/1989 VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Để đấu tranh phòng và chống các vi phạm hành chính, giữ vững trật tự xã hội, tăng cường kỷ luật Nhà nước, pháp chế xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước ; Căn cứ vào Điều 12 và Điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Pháp lệnh này quy định việc xử phạt việc vi phạm hành chính.

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Vi phạm hành chính.

Vi phạm hành chính là hành vi do cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm quy tắc quản lý Nhà nước mà không phải là tội phạm hình sự và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính.

Hội đồng bộ trưởng quy định các hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý Nhà nước trong phạm vi thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 2 của Pháp lệnh này.

Điều 2: Thẩm quyền quy định hành vi vi phạm hành chính, hình thức và biện pháp xử lý.

1- Căn cứ vào luật, pháp lệnh, Hội đồng bộ trưởng quy định hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt và biện pháp hành chính khác áp dụng đối với từng loại hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý Nhà nước.

2- Các Bộ, Ủy ban Nhà nước và các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành các quy định của luật, pháp lệnh và văn bản của Hội đồng bộ trưởng về xử phạt vi phạm hành chính.

3- Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương, căn cứ vào văn bản của các cơ quan Nhà nước cấp trên và đặc điểm cụ thể của địa phương, quy định các hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý Nhà nước ở địa phương ; hình thức xử phạt và các biện pháp cưỡng chế khác đối với các hành vi đó, trừ các hành vi đã được các cơ quan Nhà nước cấp trên quy định. Các quy định về hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp hành chính khác của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương không được trái với các quy định của Pháp lệnh này.

Điều 3: Bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong xử phạt vi phạm hành chính.

- 1- Không một cá nhân, tổ chức nào bị xử phạt vi phạm hành chính ngoài những căn cứ và thủ tục được pháp luật quy định.
- 2- Các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế và công dân phải nghiêm chỉnh tuân thủ những quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính.
- 3- Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt, của các cơ quan, tổ chức khác và mọi công dân.
- 4- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức xã hội và mọi công dân có quyền giám sát, phát hiện và tố cáo những hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước và người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 4: Nhiệm vụ đấu tranh phòng và chống vi phạm hành chính.

- 1- Các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế có nhiệm vụ giáo dục mọi người thuộc cơ quan, tổ chức mình về ý thức bảo vệ và tuân theo pháp luật, các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, kịp thời có biện pháp loại trừ nguyên nhân, điều kiện gây ra vi phạm hành chính trong cơ quan, tổ chức mình.
- 2- Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải thường xuyên tổ chức thống kê, tổng kết thực tiễn về xử phạt vi phạm hành chính, đề ra những biện pháp đấu tranh phòng, chống vi phạm hành chính.
- 3- Mọi công dân đều có nghĩa vụ tích cực đấu tranh phòng, chống các vi phạm hành chính.

Điều 5: Các đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính.

- 1- Công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hành chính về mọi vi phạm hành chính do mình gây ra. Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên được thực hiện theo quy định tại Điều 29 của Pháp lệnh này.

Quân nhân tại ngũ, quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện và những người thuộc lực lượng công an nhân dân, nếu thực hiện vi phạm hành chính thì bị xử lý như đối với các công dân khác; trong trường hợp cần áp dụng hình thức phạt tước quyền sử dụng một số loại giấy phép thì cơ quan xử phạt không trực tiếp xử phạt mà chuyển hồ sơ cho cơ quan, đơn vị nơi họ phục vụ hoặc nơi xảy ra vi phạm để xử lý theo Điều lệnh kỷ luật.

- 2- Các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế (dưới đây gọi chung là tổ chức), nếu thực hiện vi phạm hành chính thì bị phạt tiền, tước quyền sử dụng giấy phép theo quy định tại Điều 11 và các biện pháp hành chính khác quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh này.

- 3- Cá nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện vi phạm hành chính trên lãnh thổ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì bị xử phạt như đối với công dân, tổ chức Việt Nam; cá nhân, tổ chức nước ngoài được hưởng các quyền ưu đãi và miễn trừ ngoại giao, các quyền ưu đãi và miễn trừ lãnh sự và các quyền ưu đãi, miễn trừ khác theo pháp luật Việt Nam, theo các điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa

Việt Nam ký kết hoặc công nhận thì việc xử lý vi phạm hành chính được giải quyết bằng con đường ngoại giao.

Điều 6: Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính.

1- Mọi vi phạm hành chính phải được phát hiện kịp thời, xử lý công minh, nhanh chóng, theo đúng pháp luật.

2- Một vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần.

Một người thực hiện nhiều vi phạm hành chính thì bị xử phạt về từng vi phạm, nhưng tổng hợp hình thức phạt chung không được vượt quá mức cao nhất của mức xử phạt được pháp luật quy định áp dụng đối với vi phạm nặng nhất.

Nhiều người cùng thực hiện một vi phạm hành chính thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt.

3- Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân và những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng để quyết định hình thức, mức xử phạt cá nhân hoặc tổ chức thực hiện vi phạm hành chính.

4- Không xử phạt vi phạm hành chính trong các trường hợp tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ hoặc thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong khi mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hay khả năng điều khiển hành vi của mình.

Điều 7: Những tình tiết giảm nhẹ.

Những tình tiết sau đây được coi là tình tiết giảm nhẹ :

1- Người thực hiện vi phạm hành chính đã ngăn chặn làm giảm bớt tác hại của vi phạm hoặc tự nguyện sửa chữa bồi thường thiệt hại ;

2- Vi phạm trong tình trạng bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra ;

3- Người vi phạm là phụ nữ có thai, người già yếu, người có bệnh hoặc tàn tật làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

4- Vi phạm vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không do mình tự gây ra.

5- Vi phạm do trình độ lạc hậu.

Điều 8: Những tình tiết tăng nặng.

Chỉ những tình tiết sau đây mới được coi là tình tiết tăng nặng:

1- Vi phạm có tổ chức ;

2- Vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm ;

- 3- Vi phạm gây thiệt hại lớn về tài sản ;
- 4- Xúi giục, lôi kéo người chưa thành niên vi phạm ;
- 5- Vi phạm trong tình trạng say do dùng rượu, bia hoặc các chất kích thích khác ;
- 6- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc hoàn cảnh thiên tai, dịch bệnh, dịch họa để vi phạm;
- 7- Vi phạm trước hoặc trong thời gian đang chấp hành quyết định xử phạt hành chính ;
- 8- Sau khi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che giấu vi phạm hành chính.

Điều 9: Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

- 1- Không xử phạt đối với cá nhân, tổ chức thực hiện vi phạm hành chính, nếu quá một năm, kể từ ngày thực hiện vi phạm.
- 2- Đối với cá nhân thực hiện vi phạm pháp luật đã bị khởi tố, truy tố hoặc có quyết định đưa ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự mà các cơ quan tiến hành tố tụng quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án, nhưng nếu vi phạm pháp luật có dấu hiệu vi phạm hành chính thì thời hiệu xử phạt đối với cá nhân thực hiện vi phạm hành chính là ba tháng, kể từ khi có quyết định đình chỉ.
- 3- Trong thời hạn quy định tại khoản 1, khoản 2 của Điều này, nếu cá nhân, tổ chức thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì thời hiệu được tính lại kể từ khi thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc hành vi trốn tránh cản trở việc xử phạt chấm dứt.

Điều 10: Thời hạn để được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Người bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu quá một năm kể từ ngày thi hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt, nếu không tái phạm, thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Chương 2:

CÁC HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP HÀNH CHÍNH KHÁC

Điều 11: Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính.

1- Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải chịu một trong các hình thức phạt chính sau đây :

- a) Cảnh cáo ;
- b) Phạt tiền.

2- Ngoài hình thức phạt chính, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính có thể phải chịu một trong các hình thức phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép (tước bằng lái các phương tiện giao thông, phương tiện vận tải, giấy phép kinh doanh hoặc các loại giấy phép khác).

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm.

Điều 12: Những biện pháp hành chính khác.

1- Ngoài những hình thức xử phạt quy định tại Điều 11 của Pháp lệnh này, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có thể áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính những biện pháp hành chính sau đây :

a) Buộc khôi phục lại tình trạng đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép ;

b) Buộc bồi thường thiệt hại trực tiếp do vi phạm hành chính gây ra đến 100.000 đồng ;

c) Buộc tiêu huỷ các văn hoá phẩm đòi truy, vật phẩm có thể gây hại cho sức khoẻ con người ;

d) Đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường sống, lây lan dịch bệnh, gây náo động làm mất sự yên tĩnh chung và yêu cầu thực hiện biện pháp khắc phục.

2- Điều kiện áp dụng những hình thức xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 11 của Pháp lệnh này và các biện pháp hành chính khác quy định tại khoản 1 Điều này đối với từng vi phạm hành chính được quy định trong các văn bản pháp luật có quy định về xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 13: Cảnh cáo.

Cảnh cáo được áp dụng đối với cá nhân thực hiện vi phạm hành chính nhỏ, vi phạm lần đầu có tình tiết giảm nhẹ do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt quyết định bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác được quy định trong các văn bản pháp luật có quy định về xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 14: Phạt tiền.

1- Phạt tiền từ 1.000 đồng đến 20.000 đồng đối với cá nhân, tổ chức thực hiện vi phạm hành chính có tính chất đơn giản, rõ ràng, chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn về tài sản ; nếu vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm thì phạt tiền từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng.

2- Phạt tiền từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng đối với vi phạm hành chính không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 của Điều này.

3- Vi phạm hành chính trong các lĩnh vực an ninh quốc gia, sản xuất, lưu thông hàng hoá, tiền tệ, thuế, giá, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường sống, văn hoá, thông tin có nhiều tình tiết tăng nặng thì có thể phạt tiền trên 50.000 đồng.

Đối với vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh tế thì mức phạt tiền có thể được tính từ 1 đến 3 lần trị giá hàng phạm pháp hoặc từ 1 đến 3 lần số trị giá hàng phạm pháp hoặc số lợi bất chính.

4- Mức phạt tiền cụ thể đối với từng loại vi phạm hành chính được quy định trong các văn bản pháp luật có quy định về xử phạt vi phạm hành chính.

5- Việc phạt tiền bằng ngoại tệ do Hội đồng bộ trưởng quy định.

Điều 15: Tước quyền sử dụng giấy phép.

Tước quyền sử dụng giấy phép là thu hồi có thời hạn hoặc không thời hạn các giấy phép được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp khi cá nhân, tổ chức sử dụng giấy phép vi phạm quy tắc sử dụng giấy phép đó.

Điều 16: Tịch thu vật, tiền, phương tiện vi phạm.

Tịch thu vật, tiền, phương tiện vi phạm là sung vào quỹ Nhà nước hàng, tiền, phương tiện và các vận dụng khác có liên quan trực tiếp đến vi phạm hành chính. Khi tịch thu vẫn để cho người vi phạm hoặc gia đình họ có điều kiện để sinh sống.

Không tịch thu vật, tiền, phương tiện thuộc sở hữu xã hội chủ nghĩa hoặc thuộc các hình thức sở hữu hợp pháp khác bị người vi phạm chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép.

Chương 3:

THẨM QUYỀN XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH

Điều 17: Các cơ quan Nhà nước và người có thẩm quyền xử phạt.

1- Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính bao gồm :

a) Ủy ban nhân dân các cấp ;

b) Cơ quan cảnh sát, Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, thuế vụ, quản lý thị trường, Trọng tài kinh tế và những cơ quan thực hiện các chức năng thanh tra Nhà nước chuyên ngành ;

c) Tòa án nhân dân các cấp.

2- Người đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt thủ trưởng, phó thủ trưởng các cơ quan quy định tại Khoản 1 Điều này.

Cán bộ, chiến sĩ cảnh sát nhân dân, Bộ đội biên phòng, nhân viên Hải quan, Kiểm lâm, Thuế vụ, Thanh tra viên thực hiện chức năng thanh tra Nhà nước chuyên ngành đang thi hành công vụ được xử phạt theo quy định của Pháp lệnh này.

Điều 18: Nguyên tắc phân định thẩm quyền xử phạt.

1- Việc phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính giữa Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan Nhà nước và người có thẩm quyền ghi tại khoản 1 và khoản 2 Điều 17 của Pháp lệnh này, được quy định trong các văn bản có quyền về xử phạt vi phạm hành chính căn cứ vào loại hành vi và tính chất vi phạm.

2- Nếu vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền quy định xử phạt của nhiều cơ quan thì việc xử phạt do cơ quan đầu tiên thụ lý thực hiện.

Điều 19: Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

1- Chiến sĩ Cảnh sát nhân dân, Bộ đội biên phòng, nhân viên Hải quan, Kiểm lâm, thuế vụ đang thi hành công vụ được phạt cảnh cáo, phạt tiền đến 20.000 đồng. Việc phạt tiền từ trên 20.000 đồng đến 50.000 đồng phải do thủ trưởng trực tiếp của những người có thẩm quyền quy định quyết định.

2- Chủ tịch uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn, trưởng công an phường được phạt cảnh cáo, phạt tiền đến 50.000 đồng.

3- Thanh tra viên thực hiện chức năng thanh tra Nhà nước chuyên ngành đang thi hành công vụ được phạt cảnh cáo, phạt tiền đến 100.000 đồng, tước quyền sử dụng một số loại giấy phép và áp dụng các biện pháp cưỡng chế khác quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh này, trừ biện pháp buộc bồi thường thiệt hại.

4- Đội trưởng đội quản lý thị trường được phạt cảnh cáo, tước giấy phép kinh doanh, phạt tiền đến 500.000 đồng đối với vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh, thương nghiệp.

5- Trưởng phòng thuế, trưởng và phó trưởng công an cấp huyện, trưởng phòng nghiệp vụ của cơ quan công an cấp tỉnh, hạt trưởng hạt kiểm lâm, thủ trưởng đơn vị hải quan, chỉ huy đơn vị bộ đội biên phòng được áp dụng tất cả các hình thức phạt và biện pháp cưỡng chế khác quy định tại Pháp lệnh này và phạt đến 200.000 đồng.

6- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện và cấp tương đương được áp dụng tất cả các hình thức phạt và biện pháp hành chính khác quy định tại Pháp lệnh này và phạt tiền đến 2.000.000 đồng.

7- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh và cấp tương đương được áp dụng tất cả các hình thức phạt và biện pháp hành chính trong phạm vi Pháp lệnh này quy định.

8- Toà án nhân dân các cấp xử phạt các vi phạm hành chính cản trở hoạt động xét xử, thi hành án.

9- Trọng tài kinh tế các cấp xử phạt vi phạm hành chính đối với người ký kết hợp đồng kinh tế mà Trọng tài kinh tế kết luận là vô hiệu toàn bộ và người cố ý thực hiện hợp đồng đã bị coi là vô hiệu toàn bộ.

Chương 4:

THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 20: Thủ tục đơn giản.

Trong trường hợp xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo, phạt tiền đến 20.000 đồng thì cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền xử phạt quyết định phạt tại chỗ. Người bị phạt tiền phải nộp tiền và nhận được biên lai thu tiền phạt.

Điều 21: Lập biên bản về vi phạm hành chính.

Khi có vi phạm hành chính, cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền xử phạt phải kịp thời lập biên bản, trừ trường hợp xử phạt theo thủ tục đơn giản.

Biên bản về vi phạm hành chính phải nêu rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; họ tên, chức vụ người lập biên bản; họ tên, địa chỉ, nghề nghiệp người vi phạm hoặc tên, địa chỉ tổ chức vi phạm; ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm; nội dung vi phạm, các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử phạt; tình trạng tang vật, phương tiện bị tạm giữ nếu có; lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm. Nếu có người làm chứng, người hoặc tổ chức bị hại thì phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, lời khai của họ.

Biên bản lập xong phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký; nếu có người làm chứng, người hoặc tổ chức bị hại thì họ cùng ký vào biên bản.

Trong trường hợp biên bản gồm nhiều tờ thì người lập biên bản, người hoặc đại diện tổ chức vi phạm phải ký vào từng tờ.

Trong trường hợp người hoặc tổ chức vi phạm, người làm chứng, người bị hại từ chối ký thì phải ghi rõ lý do.

Biên bản làm xong phải trao cho cá nhân, tổ chức vi phạm một bản. Nếu cơ quan, người lập biên bản không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đó thì biên bản phải được chuyển cho cơ quan có thẩm quyền xử phạt.

Cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền tiến hành lập biên bản về vi phạm hành chính hoặc áp dụng xử phạt theo thủ tục đơn giản phải ra lệnh buộc đình chỉ ngay hành vi vi phạm.

Điều 22: Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính.

Trong trường hợp cần ngăn chặn kịp thời vi phạm hành chính hoặc bảo đảm việc xử phạt, cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền có thể áp dụng các biện pháp tạm giữ người, khám người, khám phương tiện vận tải, đồ vật, khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính theo thủ tục hành chính. Khi áp dụng các biện pháp này, cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền phải tuyệt đối tuân thủ các quy định tại các Điều 23, 24, 25, 26 và 27 của Pháp lệnh này và các văn bản pháp luật khác.

Nghiêm cấm xâm phạm sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của người bị tạm giữ, bị khám theo thủ tục hành chính.

Cá nhân, tổ chức bị áp dụng các biện pháp quy định tại Điều này và các Điều 23, 24, 25, 26 và 27 của Pháp lệnh này có thể khiếu nại với cấp trên trực tiếp của cơ quan, người tiến hành các biện pháp đó hoặc khiếu nại với Viện kiểm sát nhân dân.

Điều 23: Tạm giữ người theo thủ tục hành chính.

1- Việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính chỉ được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cần thu thập, xác minh những tình tiết quan trọng làm căn cứ để quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

b) Khi cần ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi gây rối trật tự công cộng.

2- Những người được quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính là :

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và thị trấn ; Trưởng Công an phường ; Trưởng hoặc Phó trưởng Công an cấp huyện ; Trưởng phòng, Phó trưởng phòng nghiệp vụ của Công an cấp tỉnh; thủ trưởng, phó thủ trưởng đơn vị cảnh sát cơ động ; hạt trưởng hạt kiểm lâm ; thủ trưởng đơn vị Hải quan ở biên giới, cửa khẩu;

b) Chỉ huy đồn biên phòng và đơn vị bộ đội biên phòng đóng ở biên giới, hải đảo ;

c) Người chỉ huy máy bay, tàu biển, khi máy bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng.

3- Theo yêu cầu của người bị tạm giữ, cơ quan Nhà nước, người ra quyết định tạm giữ phải thông báo cho người thân trong gia đình, cơ quan nơi làm việc hoặc học tập của họ biết. Khi tạm giữ người chưa thành niên vi phạm hành chính trên sáu giờ thì nhất thiết phải thông báo cho cha mẹ hay người giám hộ của họ biết.

Thời hạn giữ người vi phạm hành chính không được quá mười hai giờ, trong trường hợp cần thiết, thời gian giữ có thể kéo dài hơn, nhưng không quá hai mươi bốn giờ, kể từ thời điểm giữ người vi phạm.

Đối với người vi phạm quy chế biên giới hoặc thực hiện vi phạm hành chính ở vùng rừng núi xa xôi, hẻo lánh, hải đảo, thì thời hạn tạm giữ có thể kéo dài hơn, nhưng không quá bốn tám giờ.

4- Mọi trường hợp tạm giữ người đều phải có quyết định bằng văn bản và phải giao cho người bị tạm giữ một bản.

Điều 24: Khám người theo thủ tục hành chính.

1- Cơ quan có thẩm quyền chỉ được tiến hành khám người theo thủ tục hành chính khi có căn cứ để nhận định người đó cất giấu trong người đồ vật, tài liệu, phương tiện vi phạm hành chính.

2- Chỉ những người quy định tại khoản 2 Điều 23 của Pháp lệnh này mới được quyết định khám người theo thủ tục hành chính.

3- Trước khi tiến hành khám người, người khám phải thông báo quyết định cho người bị khám biết và yêu cầu họ đưa ra đồ vật, tài liệu, phương tiện vi phạm hành chính đang cất giấu để điều tra. Nếu người bị khám từ chối thì tiến hành khám bắt buộc.

4- Khi khám người, nam khám nam, nữ khám nữ và phải có người cùng giới chứng kiến.

5- Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát nhân dân, Bộ đội biên phòng, nhân viên Kiểm lâm, Hải quan, người chỉ huy máy bay, tàu biển được phép khám người theo thủ tục hành chính, nếu có căn cứ khẳng định người đó cất giấu trong người đồ vật, tài liệu, phương tiện vi phạm hành chính và sau đó phải báo ngay cho thủ trưởng đơn vị.

6- Mọi trường hợp khám người đều phải lập biên bản và phải giao cho người bị khám một bản.

Điều 25: Khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính.

- 1- Việc khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính chỉ được tiến hành khi có căn cứ để nhận định rằng trong phương tiện vận tải, đồ vật có cất giấu tang vật vi phạm hành chính.
- 2- Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát nhân dân, Bộ đội biên phòng, nhân viên Hải quan, Kiểm lâm, Thuế vụ, thanh tra viên đang thi hành công vụ có quyền khám phương tiện vận tải, đồ vật.
- 3- Khi tiến hành khám phương tiện vận tải, đồ vật phải có mặt chủ phương tiện vận tải, đồ vật và một người chứng kiến; trong trường hợp chủ đồ vật, phương tiện vắng mặt thì phải có hai người chứng kiến.
- 4- Mọi trường hợp khám phương tiện vận tải, đồ vật đều phải lập biên bản và phải giao cho chủ phương tiện vận tải, đồ vật một bản.

Điều 26: Khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

- 1- Khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính chỉ được tiến hành khi có căn cứ nhận định có tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cất giấu ở nơi đó.
- 2- Việc khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính chỉ được tiến hành khi có lệnh viết của thủ trưởng cơ quan Công an cấp huyện ; lệnh khám phải được Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phê chuẩn.
- 3- Không được khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính vào ban đêm, trừ trường hợp không thể trì hoãn, nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản ; khi khám phải có mặt người chủ nơi bị khám hoặc người đã thành niên trong gia đình họ và có mặt một người làm chứng.
- 4- Mọi trường hợp khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đều phải lập biên bản và phải giao cho người chủ nơi bị khám một bản.

Điều 27: Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

- 1- Khi xét thấy cần ngăn chặn ngay vi phạm hành chính hoặc để xác minh những tình tiết làm căn cứ quyết định xử phạt thì những người được quy định tại khoản 2 Điều 23 của Pháp lệnh này có quyền quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

- 2- Người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có trách nhiệm bảo quản các tang vật, phương tiện đó. Nếu do lỗi của người này mà tang vật, phương tiện bị chuyển nhượng, đánh tráo, huỷ hoại thì cá nhân họ phải chịu trách nhiệm bồi thường.

Trong trường hợp xét cần niêm phong thì phải tiến hành ngay trước mặt người hoặc đại diện của tổ chức sử dụng tang vật, phương tiện phạm pháp hoặc đại diện gia đình, đại diện chính quyền và người chứng kiến.

- 3- Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính không bảo quản được lâu thì phải tiến hành bán đấu giá và gửi tiền vào Ngân hàng.

Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ khi tạm giữ, cơ quan Nhà nước và người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ phải xử lý tang vật, phương tiện bị tạm giữ theo những biện pháp ghi trong quyết định xử phạt hoặc trả lại cho người, tổ chức sử dụng, nếu không áp dụng phạt tiền hoặc biện pháp tịch thu đối với họ.

4- Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phải có quyết định bằng văn bản và phải giao cho người, đại diện tổ chức sử dụng tang vật, phương tiện đó một bản.

Điều 28: Quyết định xử phạt.

1- Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày lập biên bản về vi phạm hành chính, cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt đối với người, tổ chức thực hiện vi phạm hành chính đó.

2- Quyết định xử phạt phải ghi rõ ngày, tháng, năm ; tên cơ quan, người ra quyết định xử phạt ; họ tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm ; những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm ; điều khoản, tên văn bản pháp luật quy định trách nhiệm hành chính đối với hành vi đó; hình thức và mức xử phạt; các biện pháp xử lý tang vật, phương tiện bị tạm giữ ; chữ ký của người ra quyết định xử phạt.

3- Quyết định phạt tiền từ 500.000 đồng trở lên, quyết định tịch thu tang vật, phương tiện có giá trị từ 500.000 đồng trở lên phải gửi lên Viện kiểm sát nhân dân.

4- Đối với vi phạm hành chính cần áp dụng biện pháp bồi thường thiệt hại có giá trị dưới 100.000 đồng, cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền xử phạt quyết định việc bồi thường đó. Nếu thiệt hại có giá trị từ 100.000 đồng trở lên thì việc bồi thường do hai bên tự thoả thuận giải quyết hoặc giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

5- Quyết định xử phạt phải gửi cho người hoặc tổ chức bị xử phạt chậm nhất trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày ra quyết định xử phạt.

6- Thủ tục áp dụng các biện pháp xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp hành chính khác do Hội đồng bộ trưởng quy định.

Điều 29: Xử lý vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên.

1- Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phải chịu trách nhiệm hành chính về mọi vi phạm hành chính do mình gây ra.

2- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ bị phạt đối với những vi phạm hành chính thực hiện do cố ý ; hình thức và mức xử phạt đối với họ là cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 10.000 đồng.

Đối với người dưới 14 tuổi thì không xử phạt mà áp dụng biện pháp giáo dục.

3- Trong trường hợp người chưa thành niên không có tiền nộp phạt thì cha mẹ hoặc người giám hộ phải nộp phạt thay.

4- Quyết định xử phạt đối với người vi phạm khi chưa đủ 16 tuổi thì không tính để xác định tái phạm.

Điều 30: Chuyển hồ sơ vi phạm hành chính để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Khi xét việc vi phạm có dấu hiệu của tội phạm thì cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền phải chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra hình sự có thẩm quyền giải quyết.

Điều 31: Thi hành quyết định xử phạt.

1- Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính phải thi hành ngay quyết định xử phạt, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Các tổ chức bị xử phạt phải thi hành quyết định xử phạt, đồng thời tiến hành xác định lỗi của những người trực tiếp gây ra vi phạm hành chính trong khi thi hành phận sự được giao để truy cứu trách nhiệm kỷ luật, trách nhiệm vật chất, trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

3- Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực mà đương sự không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế thi hành.

Điều 32: Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1- Các nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính mà không tự nguyện thi hành quyết định xử phạt trong thời hạn được quy định tại Điều 31 của Pháp lệnh này thì bị cưỡng chế thi hành bằng các biện pháp sau đây :

a) Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập ; khấu trừ tiền từ tài khoản tại Ngân hàng ;

b) Kê biên tài sản để bán đấu giá ;

c) Cưỡng chế thi hành quyết định về biện pháp hành chính theo các quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh này.

Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt có nhiệm vụ tổ chức việc cưỡng chế hành chính đối với cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu họ không tự nguyện thi hành quyết định xử phạt của mình. Lực lượng cảnh sát nhân dân có trách nhiệm thi hành quyết định cưỡng chế hành chính của Ủy ban nhân dân cùng cấp và phối hợp với các cơ quan Nhà nước đã ra quyết định xử phạt và tổ chức việc cưỡng chế hành chính khi được yêu cầu.

2- Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế hành chính phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế đó.

3- Thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế hành chính quy định tại khoản 1 Điều này do Hội đồng bộ trưởng quy định.

Điều 33 : Xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

1- Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ Nhà nước thì quyết định xử phạt và biên bản tịch thu tang vật, phương tiện đó phải được giao cho cơ quan tài chính.

2- Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là văn hoá phẩm đòi truy, hàng giả không có giá trị sử dụng thì phải lập hội đồng xử lý để huỷ bỏ.

3- Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc sở hữu của Nhà nước, của tập thể hoặc của cá nhân có quyết định trả lại cho chủ sở hữu thì cơ quan có thẩm quyền xử phạt trả lại cho chủ sở hữu.

4- Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính không biết rõ của ai thì cơ quan có thẩm quyền thi hành quyết định phải niêm yết công khai, thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Qua thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo, niêm yết công khai, nếu không xác định được chủ sở hữu thì sung tang vật, phương tiện đó vào quỹ Nhà nước.

Điều 34: Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt.

1- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính hết hiệu lực thi hành, nếu từ ngày ra quyết định đã qua thời hạn một năm.

2- Trong trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính bị khiếu nại thì thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này kéo dài thêm một khoảng thời gian bằng thời gian giải quyết khiếu nại.

3- Thời gian quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn thi hành.

Điều 35: Tiền phạt và biên lai thu tiền phạt.

Tiền phạt thu được phải nộp vào ngân sách Nhà nước. Chế độ quản lý biên lai thu tiền phạt và tiền nộp phạt do Hội đồng bộ trưởng quy định.

Điều 36: Khiếu nại quyết định xử phạt.

1- Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc người đại diện của họ có quyền khiếu nại quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt.

2- Khiếu nại phải gửi cho cấp trên trực tiếp của người ra quyết định xử phạt.

Việc khiếu nại quyết định xử phạt không làm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt.

Điều 37: Giải quyết khiếu nại quyết định xử phạt.

1- Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại cơ quan cấp trên trực tiếp của người ra quyết định xử phạt phải xem xét khiếu nại đó và ra một trong những quyết định sau đây :

- a) Không thay đổi quyết định xử phạt ;
- b) Thay đổi hình thức, mức độ, biện pháp xử phạt ;
- c) Huỷ quyết định xử phạt và đình chỉ việc xử phạt ;

Đối với vụ vi phạm phức tạp, cơ quan giải quyết khiếu nại có thể kéo dài thời hạn trên, nhưng không quá ba mươi ngày.

2- Trong trường hợp cơ quan giải quyết khiếu nại ra quyết định thay đổi hình thức, mức độ, biện pháp xử phạt ; huỷ quyết định xử phạt và đình chỉ việc xử phạt thì cơ quan giải quyết khiếu nại có thể quyết định bồi thường, bồi hoàn thiệt hại trực tiếp, nếu có.

Đối với quyết định về bồi thường, bồi hoàn, nếu người bị hại không đồng ý thì họ có thể yêu cầu Toà án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

3- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có hiệu lực thi hành ngay.

Điều 38: Giải quyết tố cáo.

1- Các tố cáo về hành vi lạm quyền hoặc trái pháp luật khác của cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính do cấp trên trực tiếp của cơ quan, người có thẩm quyền đó xem xét, giải quyết.

2- Khi nhận được tố cáo, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải xem xét, giải quyết kịp thời và trả lời trong thời hạn mười lăm ngày, nếu là trường hợp phức tạp thì trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được tố cáo.

Chương 5:

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 39: Khen thưởng.

1- Người có thành tích trong việc phát hiện vi phạm hành chính được khen thưởng theo chế độ chung của Nhà nước và được thưởng tiền theo tỷ lệ 1% đến 15% số tiền phạt và giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu.

2- Người thi hành công vụ có thành tích được khen thưởng theo chế độ chung đối với cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước.

Hội đồng bộ trưởng quy định chế độ khen thưởng cho các cơ quan, đơn vị có thành tích trong việc đấu tranh phòng, chống vi phạm hành chính.

Điều 40: Xử lý vi phạm.

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính vì vụ lợi hoặc vì động cơ cá nhân khác mà vi phạm các quy định về xử phạt vi phạm hành chính ; người không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính mà tùy tiện phạt thì tùy theo tính chất, mức độ của vi phạm bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự ; nếu gây thiệt hại về vật chất cho Nhà nước, tổ chức hoặc công dân thì phải bồi thường.

Chương 6:

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 41: Pháp lệnh này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1990.

Điều 42

Những quy định về xử phạt vi phạm hành chính trước đây trái với Pháp lệnh này đều bãi bỏ.

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 1989

**T/M HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
CHỦ TỊCH**

Võ Chí Công